TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Thành

Bà Nguyễn Thị Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Hải Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 và Thông báo dời phiên tòa số 15/TB-TA ngày 11/6/2025, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1996; địa chỉ: Đội 3, ấp C, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện nay: Số 41, đội 1, ấp K, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre "có mặt".

* *Bị đơn:* Anh Dương Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 3, ấp C, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước "có đơn xin vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Tr và anh Dương Văn B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai người vẫn cố gắng tự hòa giải. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, trái ngược quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không thể hàn gắn. Do đó, chị Tr và anh B đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, trong thời gian này chị Tr sinh sống tại tỉnh Bến Tre.

Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh B có 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Phương Th, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Dương Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/6/2017. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Th và cháu N, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr không còn yêu cầu nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn Dương Văn B trình bày:*

Anh Dương Văn B và chị Nguyễn Thị Tr tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh B làm ăn thua lỗ, nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh B cho rằng vẫn còn yêu thương chị Tr nên mong muốn đoàn tụ vợ chồng, nuôi dạy con chung. Trường hợp chị Tr cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh B cũng đồng ý.

Trong thời gian chung sống, anh B và chị Tr có có 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Phương Th, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Dương Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/6/2017. Trường hợp ly hôn, anh B đồng ý để chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Th và cháu N theo nguyện vọng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh B không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của chị Tr. Giao con chung là cháu Dương Nguyễn Phương Th, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Dương Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn; các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật

TTDS. Do bị đơn anh B có nơi cư trú tại xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Tr: Chị Tr và anh B tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 19/11/2014. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ). Theo lời trình bày của các đương sự, chị Tr và anh B sau khi kết hôn thì chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân. Đến năm 2022, do mâu thuẫn càng trầm trọng dẫn đến chị Tr và anh B sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B thì anh B cũng không thể hiện Nều thiện chí mong muốn đoàn tụ vợ chồng; quá trình Tòa án tổ chức hòa giải anh B cũng vắng mặt. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, xử cho chị Tr được ly hôn với anh B.

[3] Quá trình chung sống, chị Tr và anh B có 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Phương Th, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Dương Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/6/2017. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Xét chị Tr hiện có nơi cư trú ổn định, có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi con chung. Anh B cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về phía cháu Th và cháu N cũng thể hiện nguyên vọng được sống chung với chị Tr. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, giao cháu Th và cháu N cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với anh B, mặc dù không trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, nhưng sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, chị Tr, anh B cũng có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Tr, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Dương Văn B.

2. Giao 02 con chung là cháu Dương Nguyễn Phương Th, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Dương Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Anh Dương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy Nên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt của cháu Th và cháu N, chị Tr, anh B có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010991 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Chị Tr không phải nộp thêm án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- Viện KSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- UBND xã TH,
huyện Đ, tỉnh Bình Phước (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, HNGĐ (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh